

NGUYỄN VŨ HOÀNG*

GIÁO XỨ CÔNG GIÁO NGƯỜI VIỆT TẠI NEW ORLEANS VÀ BẢN SẮC VIỆT NAM TẠI MỸ

Tóm tắt: Sau ngày 30/4/1975, Việt Nam thống nhất đất nước, nhiều người Việt Công giáo được bảo trợ tới định cư tại thành phố New Orleans, bang Louisiana, Mỹ. Tại đây, với sự dẫn dắt của Tổng Giám mục Philip Hannan, một số giáo xứ Công giáo người Việt dần hình thành thuộc Tổng Giáo phận New Orleans, bang Louisiana, như: giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam thành lập năm 1983, tiếp đó là giáo xứ St. Agnes Lê Thị Thành ở Marrero thành lập năm 1995 và họ đạo Thánh Giuse ở Woodlawn, Algiers. Bài viết phân tích những chặng đường hình thành và phát triển của một cộng đoàn và câu chuyện giữ gìn bản sắc của người Việt Công giáo tại Mỹ.

Từ khóa: Công giáo; người Việt; New Orleans; Mỹ; giữ gìn bản sắc.

Dẫn nhập

Công giáo La Mã ở Mỹ có một lịch sử lâu dài từ thế kỷ XVIII với sự di cư của những dòng người từ châu Âu, như: Pháp, Tây Ban Nha... Tuy nhiên, nền văn hóa của mỗi quốc gia gốc lại có dấu ấn, đặc điểm riêng làm cho bức tranh các cộng đoàn giáo phận, giáo xứ Công giáo ở Mỹ đa dạng hơn. Từ sau năm 1975, Mỹ tiếp nhận một số lượng lớn giáo dân người Việt đến đây do sự sụp đổ của Việt Nam Cộng hòa. Đến năm 2018, số lượng giáo dân Công giáo quốc tịch Mỹ chiếm khoảng 23% dân số cả nước Mỹ (trên 300 triệu người). Bắt đầu từ con số “không”, làm thế nào người Việt đã xây dựng được những giáo xứ đầu tiên ở Mỹ, và bằng cách nào người Việt có thể duy trì và phát triển các cộng đoàn Công giáo, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa Việt

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Ngày nhận bài: 11/8/2021; Ngày biên tập: 15/03/2022; Duyệt đăng: 15/07/2023.

Nam tại quốc gia này? Bài viết này dựa trên nghiên cứu thực địa đa điểm theo phương pháp dân tộc học/nhân học tại thành phố New Orleans, bang Louisiana, Mỹ từ tháng 6/2010 đến tháng 01/2012, và tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận từ tháng 01/2012 đến tháng 4/2012. Những tư liệu điền dã dân tộc học và phân tích văn bản học cũng bổ sung thêm tư liệu quan trọng giúp giới nghiên cứu nhìn nhận, đánh giá rõ hơn về quá trình di cư và định cư của một cộng đồng Công giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

1. Tổng Giáo phận New Orleans

Ngày nay, khi nhắc đến giáo xứ Công giáo Việt tại thành phố New Orleans, người ta thường nghĩ ngay tới giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam, giáo xứ đã từng làm nên hình ảnh kiên trì, đoàn kết của người Việt trong quá trình phục hồi sau thảm họa từ cơn bão Katrina năm 2005 (Nguyễn Vũ Hoàng, 2017). Từng là một lãnh thổ thuộc Pháp, thành phố New Orleans, bang Louisiana, đã trở nên nổi tiếng về du lịch từ trước khi những người di cư Việt Nam đến định cư. Sau Phong trào Quyền Dân sự (Civil Rights movement) vào đầu những năm 1960, người Mỹ da đen sinh sống ở New Orleans đã có nhiều cơ hội chính trị cũng như kinh tế hơn. Năm 1960, người da đen chiếm 32,5% và người da trắng chiếm 61,8% trong tổng dân số New Orleans. Vào năm 1980, dân số người da đen tăng tới 45,3% trong khi dân số người da trắng giảm xuống 45,4% (Fussell, 2007). Đó chính là kết quả của việc người da trắng từ nội đô thành phố chuyển đến những khu nhà mới xây dựng ở ngoại ô miền đông New Orleans và các giáo xứ lân cận khác. Cơ cấu dân cư theo chủng tộc ở New Orleans đã thay đổi nhanh chóng theo những sự biến đổi này. Trong đó thành phố New Orleans trở thành một thành phố với đa số người Mỹ da đen (62,1%), rồi đến người Mỹ da trắng (34,7%) và người gốc châu Á khác (1,3%) và những chủng tộc khác (1,9%) vào năm 1990 [Zhou & Bankston, 1998: 80].

Năm 1975, New Orleans tiếp nhận một làn sóng người tị nạn Việt Nam dưới sự bảo trợ của Tổng Giáo phận New Orleans sau khi cuộc chiến tranh Việt Nam kết thúc. Hầu hết người Việt sau đó tái định cư

ở Village de l'Est phía Đông thành phố New Orleans thuộc quận Orleans (Orleans parish). Đến năm 1990, dân số người Việt lên tới 4.600 trong tổng 496.938 số dân của thành phố. Tuy đây là một con số nhỏ so với dân số của cả thành phố, nhưng người gốc Việt tập trung ở phía Đông New Orleans và dân số của họ cũng gần tương đương số người Mỹ da đen ở trong cùng một khu cư trú.

Điều đặc biệt, New Orleans là một thành phố có lịch sử lâu đời dưới ảnh hưởng của Công giáo La Mã từ châu Âu, như Pháp và Tây Ban Nha trong khi các thành phố khác ở Mỹ với đa số tín hữu thuộc đạo Tin Lành. Năm 1793, Giáo phận New Orleans được thành lập và đến năm 1850 thành lập Tổng Giáo phận New Orleans. Hiện nay, Tổng Giáo phận gồm 108 giáo xứ thuộc 8 giáo phận là Jefferson, Orleans, Palauquemes, St. Bernard, St. Charles, St. John the Baptist, St. Tammany và Washington. Giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam là một trong ba tổ chức tôn giáo do người Mỹ gốc Việt phụ trách và là giáo xứ cho người Việt đầu tiên ở vùng New Orleans. Bài viết trình bày lịch sử di cư của người Việt Công giáo đến đây và chỉ ra những dấu ấn của bản sắc Việt trên đất Mỹ qua hoạt động của một cộng đồng Công giáo.

2. Lịch sử hình thành các cộng đoàn người Việt

2.1. Lịch sử di cư

Giáo xứ Phước Tỉnh, xã Phước Tỉnh, tỉnh Phước Tuy (nay là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Sau năm 1954, giáo dân Công giáo nhiều nơi đã di cư vào miền Nam (Hansen, 2009; Nguyễn Đức Lộc, 2013). Giáo dân Công giáo từ Giáo phận Bùi Chu, Phát Diệm đến và lập nên giáo xứ Phước Tỉnh vào ngày 13/12/1954. Sau khi đến miền Nam Việt Nam, người dân di cư từ Giáo phận Bùi Chu đầu tiên được bố trí tái định cư ở Bời Lời, Tây Ninh và Hố Nai (thuộc thành phố Biên Hòa, Đồng Nai), nơi họ có thể canh tác trồng lúa nước. Tuy nhiên, vì hầu hết những người di cư vốn là ngư dân nên họ đã nhờ linh mục phụ trách là Linh mục Trần Ngọc Hương tìm nơi tái định cư cho họ ở gần bờ biển. Sau khi cử người tìm kiếm ở những vùng xung quanh, Linh mục Hương cho rằng vùng đất của xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Phước Tuy (nay

là huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) có nhiều tiềm năng và ông quyết định cho người dân Giáo phận Bùi Chu tái định cư ở Phước Tỉnh vào tháng 12/1954. Những ngày đầu sau khi di chuyển đến Phước Tỉnh, hơn 1.200 người phải tạm thời ở trong 50 căn nhà tranh. Một nhà thờ tạm cũng được xây như một ngôi nhà tranh sau khi họ đã tương đối ổn định... Đất đai được khai phá và người dân được cấp các công cụ chài lưới [*Kỷ yếu Giáo xứ Phước Tỉnh*, 2004].

Sau tháng 4/1975, một số người dân địa phương ở xã Phước Tỉnh lạng lẽ rời Việt Nam. Những ghi chép trong kỷ yếu của giáo xứ Phước Tỉnh cho biết khoảng 60% người Công giáo rời đất nước. Ông B., một người đã ở lại, kể với tôi: “sau tháng Tư năm 1975, giáo xứ càng ngày càng ít người. Mỗi ngày, khi mọi người đi lễ nhà thờ vào buổi sáng, họ truyền tai nhau về ai đã rời đi vào đêm qua. Cuộc sống của giáo xứ Phước Tỉnh bị xáo trộn về mặt tâm lý; người làng không muốn nói chuyện với nhau” [*Tư liệu phỏng vấn*, 2012a]. Giáo xứ Tân Phước cũng có tình trạng tương tự. Với những người từ xã Phước Tỉnh rời khỏi Việt Nam, phần lớn trong số họ tái định cư tại Versailles, New Orleans, Mỹ.

Giáo xứ Thanh Hải, Phan Thiết

Trong khi việc di cư của người dân từ giáo phận Bùi Chu, Phát Diệm đến Phước Tỉnh không có quá nhiều khó khăn thì người Công giáo từ giáo xứ Ba Làng ở tỉnh Thanh Hóa phải rất vất vả để có những giấy tờ rời đi vào miền Nam năm 1954. Nhờ sự hỗ trợ của Ủy ban Quốc tế về Giám sát và Kiểm soát (International Commission for Supervision and Control, ICC) của Hiệp định Genève, một số người Công giáo ở Ba Làng được phép di cư vào miền Nam và tái định cư ở Phan Thiết. Đến nay người ta vẫn nhớ nhiều về những khó khăn này. Peter Hansen cũng ghi lại những khó khăn mà người dân ở Thanh Hóa phải đối mặt khi đây là một vùng giáp ranh của nhiều lực lượng trong khi Giáo phận Bùi Chu và Phát Diệm lại chỉ nằm dưới sự kiểm soát của người Pháp [Hansen, 2009: 181].

Những giáo dân gốc Bắc tái định cư ở Phan Thiết không chỉ đến từ Ba Làng ở Thanh Hóa mà còn từ Sầm Sơn (Thanh Hóa), Quảng Bình và Hải Phòng. Cuối năm 1954, Linh mục Paul Phạm Ngọc Oanh đưa

100 gia đình từ các khu cư trú tạm thời ở Long An và Sài Gòn đến tái định cư ở Xóm Đầm, nay là phường Thanh Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Năm 1956, một số gia đình từ Hải Phòng cũng đến đây sinh sống. Linh mục Phạm Ngọc Oanh phải yêu cầu cơ quan hành chính địa phương giúp giải phóng đất đai và hình thành một giáo xứ mới đặt tên là Thanh Hải. Trong từ “Thanh Hải” thì Thanh có nghĩa Thanh Hóa - nơi quê hương gốc và Hải có nghĩa là biển - nơi họ có thể tìm sinh kế cho mình [*Kỷ yếu Giáo xứ Thanh Hải*, 2005].

Một nhà thờ bằng gỗ lợp mái tranh được xây dựng năm 1956. Một nhà thờ vững chãi hơn hình chữ thập được xây vào tháng 3/1957. Cùng năm đó giáo xứ được sắp xếp lại để thuộc về Tổng Giáo phận Nha Trang mới thành lập. Đến khi chiến sự chuẩn bị xảy ra ở Phan Thiết vào tháng 3/1975, nhiều dân làng di chuyển đến ở tại Vũng Tàu hoặc tỉnh Phước Tuy. Chỉ có số ít ở lại giáo xứ. Một phụ nữ nhớ lại: “Khi thành phố Phan Thiết được giải phóng vào ngày 19/3/1975, nhiều người đã lên thuyền đi xuống Vũng Tàu. Trong khi người dân giáo xứ Thanh Hải di tản đi nơi khác thì dân gốc Phan Thiết không làm vậy” [*Tư liệu phỏng vấn*, 2012b]. Sau tháng 4/1975, một phần lớn người dân chạy đến Vũng Tàu đã rời Việt Nam và những người còn lại trở về giáo xứ của mình và xây dựng lại vùng đất này. Sau năm 1975, một số người vẫn tiếp tục rời quê hương trên những con thuyền đánh cá.

Những người rời khỏi Việt Nam vào dịp tháng 4/1975 đã được đưa lên các tàu hải quân Mỹ, họ được chở tới Philippines và đảo Guam, sau đó đến các trại ở Mỹ, như: Fort Chaffee ở Arkansas, Pendleton ở California, Fort Indiantown Gap ở Pennsylvania, ở đó họ chờ đợi được bảo lãnh. Trong số người từ Thanh Hải và Phước Tỉnh, quy mô các gia đình Công giáo thường tương đối lớn. Mỗi hộ gia đình thường có hơn 5 người gồm cả cha mẹ. Vì thế, nhiều người Mỹ và các giáo phận không thể bảo lãnh hết cho họ. Họ phải ở lại sống trong các trại tị nạn thêm một vài tháng nữa.

2.2. Lịch sử hình thành

Lúc đó, nhận thấy có một số lượng lớn người Công giáo từ Việt Nam đang ở trong các trại tị nạn, Tổng Giám mục Philip Hannan ở

New Orleans quyết định bảo lãnh cho càng nhiều người Công giáo Việt Nam càng tốt. Tổng Giám mục nhớ lại: “Một số giáo phận trên khắp đất nước hạn chế về quy mô của các hộ gia đình mà họ có thể chấp nhận, nhưng tôi lại muốn sao cho giữ được các gia đình ngư dân Việt Nam quy mô lớn cùng nhau” [Hannan, Collins & Finney, 2010: 305]. Ông cũng cho người tìm kiếm và bảo lãnh cho cả các linh mục Việt Nam từ các trại để giúp giáo dân hiểu lời Chúa trong các thánh lễ.

Bà M., gốc ở Phước Tỉnh, nhớ lại rằng đại gia đình bà có 26 thành viên đã đến New Orleans vào cuối tháng 9/1975. Đến tháng 12/1975, con số người Việt tái định cư ở Louisiana đã lên tới 3.602 [Do Hien Duc, 1999: 39]. Trong khi đó, Tổng Giám mục mong muốn bảo lãnh cho khoảng 6.500 người Việt Nam đến New Orleans. Vào năm 1975, tổ chức Từ thiện Công giáo (*The Associated Catholic Charities*) đã sắp xếp ổn định cho 1.000 người tại Khu căn hộ Versailles Arms ở vùng Đông New Orleans và đến năm sau đó, 2.000 người Việt đã tự mình tìm đến khu vực này để cư trú [Zhou & Bankston, 1998: 77]. Từ năm 1975 đến 1980, vùng Đông New Orleans đã tiếp nhận hơn 3.000 người Việt Nam. Trong khi *The Associated Catholic Charities* tiếp tục bảo lãnh người vượt biên, làn sóng người di cư thứ hai từ các bang khác tiếp tục đến định cư ở New Orleans do nhận được thông tin từ bạn bè và gia đình. Đến năm 1990, dân số người Việt đã tăng lên 4.600 người ở phía Đông New Orleans, mặc dù người dân địa phương ước tính con số đó phải lên tới hơn 6.000 [Zhou & Bankston, 1998: 77-78]. Một số lượng lớn những người chuyển đến định cư tại phía Đông New Orleans; một phần khác được sắp xếp đến ở tại phía Tây của New Orleans. Sau một vài năm, một số người Việt đã có chứng chỉ nghề và bắt đầu làm các công việc như hàn điện, chạm khắc gỗ/sắt, thợ sửa ống nước, bác sĩ, nhân viên y tế và dược sĩ.

2.3. Quá trình thành lập giáo xứ

Kể từ khi người Việt Nam đầu tiên đến đây vào năm 1975, Tổng Giám mục Philip M. Hannan ở New Orleans dành cho họ sự quan tâm đáng kể. Một trong những dấu hiệu cho thấy điều đó là cộng đoàn này không bao giờ thiếu các linh mục người Việt. Tổng Giám mục hiểu rằng nếu không biết ngôn ngữ thánh lễ, những người Công giáo này có

thể sẽ cảm thấy ít gần gũi với Chúa. Ông đã viết trong hồi ký: “Tôi đã có một trong những quyết định nhanh chóng mà một giáo viên trường Christian Brother cũ đã cảnh báo tôi cẩn thận- ngoại trừ quyết định này tạo ra một cuộc khủng hoảng lớn. Tôi muốn mời 6.500 người tị nạn Việt Nam tới giáo phận New Orleans chỉ đơn giản bởi vì đó là điều đúng đắn phải làm. Nhưng để chăm lo cho nhiều người tị nạn đến vậy, chúng tôi cần các linh mục Việt Nam” [Hannan và cộng sự, 2010: 304].

Và sau đó Linh mục Dominic Mai Thanh Lương, người đã từng phụng vụ ở Giáo phận Buffalo, được yêu cầu làm công việc quan trọng này. Ông đã xoay sở tìm kiếm một số linh mục người Việt cho những người đã được bảo lãnh. Từ năm 1975 đến nay, có 8 linh mục đã được giao làm linh mục xứ cho cộng đoàn này ở vùng Đông New Orleans: Linh mục Trần Cao Tường, Linh mục Việt Châu, Linh mục Việt Hưng, Linh mục Mai Thanh Lương, Linh mục Luke Dũng, Linh mục Nguyễn Văn Nguyên, Linh mục Nguyễn Thế Viễn, Linh mục Dominic Nguyễn Văn Nghiêm. Tất cả các linh mục này đều sinh ra tại Việt Nam. Một số đang học tập tại Mỹ khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, số khác đến Mỹ như những người tị nạn cùng với gia đình. Đây là mô hình tương tự ở giáo xứ Việt Nam ở thị trấn Marrero và họ đạo ở Woodlawn bên bờ Tây sông Mississippi. Vì được các linh mục người Việt dẫn dắt, cộng đoàn Công giáo của người gốc Việt vẫn gìn giữ nhiều đặc điểm của một giáo xứ Việt Nam.

Theo ghi chép của anh Toàn Trần, một nhà sưu tầm lịch sử, ở Versailles: “Nhóm 12 gia đình đầu tiên từ Fort Chaffee đến New Orleans với cha Trần Cao Tường. Họ được một xe buýt trường học đưa tới Tổng Giáo phận và được Đức Tổng Giám mục Philip Hannan đưa đến khu chung cư Versailles Arms. Người chủ của chung cư này là người Mỹ trắng, Marilyn Orwin. Tổng Giáo phận đã giúp họ mua một nhà di động (trailer) để dựng một nhà thờ tạm ở đó vào tháng 11/1975. Sau đó Tổng Giám mục đã giúp người Việt mua một lô đất để xây dựng nhà nguyện mang tên *Các thánh tử vì đạo Việt Nam* vào năm 1977. Họ tự gọi mình là Cộng đồng *Các thánh tử vì đạo Việt Nam*. Đó là một họ đạo thuộc giáo phận New Orleans” [Tư liệu phỏng vấn, 2011a].

Từ 1975 đến tháng 8/1983, khi dân số ở Versailles đã đủ lớn, các giáo dân người Mỹ gốc Việt muốn nâng cấp họ đạo *Cộng đồng các thánh tử vì đạo Việt Nam* này thành một giáo xứ, đặt tên là “Maria Nữ vương Việt Nam” và xây dựng một nhà thờ có 820 chỗ ngồi với sự đóng góp của các giáo dân Việt. Khi đệ trình ước nguyện với Tổng Giáo phận, Linh mục Mai Thanh Lương đã khiến Tổng Giám mục rất ngạc nhiên khi nghe nói rằng người Việt đã có tiền đủ để xây dựng một nhà thờ bền vững mới. Tổng Giám mục Hannan viết: “Trước sự ngạc nhiên hoàn toàn của tôi, Cha Lương đáp: Chúng con đã lập chiến dịch. Chúng con có 400 gia đình và chúng con muốn có một nhà thờ lớn, nếu chưa tính phần trang trí thì sẽ tốn khoảng \$400.000 USD. Chúng con quyết định mỗi gia đình chịu trách nhiệm đóng góp \$1.000 và tất cả các gia đình đều đã đóng góp” [Hannan và cộng sự, 2010: 307]. Tổng Giám mục chưa bao giờ tin rằng chỉ trong vòng vài năm người Công giáo từ Việt Nam có thể tiết kiệm đủ tiền để xây dựng nhà thờ riêng cho họ. Và một năm sau đó, vào tháng 8/1984, nhà thờ Maria Nữ vương Việt Nam được hoàn thành. Với sự xuất hiện của một nhà thờ dành cho người Việt, giáo xứ ngày càng gia tăng số lượng giáo dân và người Việt di cư đến sinh sống ở trong vùng càng nhiều hơn [Nguyễn Vũ Hoàng, 2019].

Cư dân ở đây từ nhiều nơi khác nhau trên đất Mỹ chuyển đến khu làng Versailles ở Đông New Orleans. Tôi (tác giả) nói chuyện với người dân không chỉ ở Phước Tỉnh và Phan Thiết mà cả từ Hồ Nai, Gia Kiệm và Biên Hòa của tỉnh Đồng Nai. Họ cùng nhau tìm kiếm kế sinh nhai, đi lễ nhà thờ mỗi ngày và chia sẻ với nhau một số các hoạt động chung. Những tư liệu phỏng vấn định tính cũng cho thấy lý do chính mà họ chuyển đến New Orleans là ở đây có một nhà thờ Công giáo cho người Việt, thời tiết giống như ở Việt Nam và sự có mặt của các bạn bè, họ hàng thân thích cùng những tiềm năng về đánh bắt cá ở vùng Vịnh Mexico.

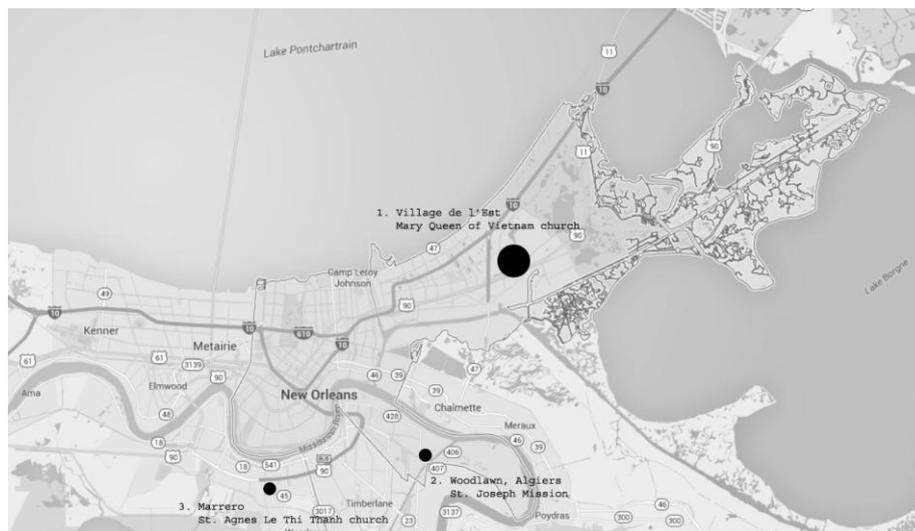
Đặc biệt, sự quan tâm của Tổng Giám mục Philip M. Hannan ngay từ ban đầu đã giúp những người Công giáo Việt giữ được bản sắc riêng chứ không phải bị hòa nhập hoàn toàn vào nhà thờ Công giáo Mỹ. Bằng cách sắp xếp cho người Việt Nam ở những khu vực riêng

biệt và cho phép họ thành lập một giáo xứ nói tiếng Việt, Tổng Giám mục đã đặt nền móng cho một khía cạnh hải ngoại (diasporic dimension) của người Công giáo Việt ở New Orleans [Nguyễn Vũ Hoàng, 2011b]. Linh mục Nguyễn Thế Viễn, nguyên linh mục chính xứ của giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam, cũng khẳng định điều này khi chia sẻ rằng: “Đây là một đặc quyền cho Công giáo Việt Nam ở New Orleans bởi vì thời điểm đó chính sách của Mỹ là hòa trộn người Việt vào xã hội Mỹ. Chỉ có Tổng Giám mục Hannan đưa họ đến New Orleans và cho phép họ ở cùng với nhau” [*Tư liệu phỏng vấn*, 2011b].

Ở phía Bờ Tây (West Bank) của dòng sông Mississippi chảy qua New Orleans còn có hai khu vực người Việt Nam sống tập trung từ năm 1975 đến nay. Nhóm đầu tiên tái định cư tại một địa điểm gọi là Phố Woodlawn ở Algiers và sau đó họ tự gọi tên là cộng đồng Woodlawn. Nhóm thứ hai sống ở gần giáo xứ St. Joseph the Worker ở Marrero. Hai nhóm này và nhóm ở Versailles đều được bảo lãnh bởi Tổng Giáo phận New Orleans. Họ đã nhận được sự hỗ trợ rất lớn của Tổng Giám mục Philip Hannan và những người cộng sự của ông ngay từ ban đầu. Mặc dù hai nhóm ở Bờ Tây sinh hoạt cùng các giáo xứ Mỹ, họ vẫn tự gọi mình là cộng đồng Hùng Vương. Vào thời điểm đó, 5 linh mục Việt Nam được giao trách nhiệm dẫn dắt 3 nhóm Công giáo Việt Nam: Linh mục Vũ Hân, Linh mục Trần Cao Tường, Linh mục Việt Châu, Linh mục Joseph Phạm Văn Tuệ (theo Linh mục Joseph Phạm Văn Tuệ, giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam không phải giáo xứ đầu tiên của người Việt tại Mỹ. Một giáo xứ Việt Nam được thành lập trước đó ở Thibodaux, Houma, Louisiana) và Linh mục Dominic Mai Thanh Lương. Trong số các linh mục trên, Linh mục Joseph Phạm đã học ở Rome, Italy và Linh mục Dominic Mai đã học ở Mỹ trước năm 1975.

Năm 1983, sau khi giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam được thành lập, Tổng Giám mục Philip Hannan giao cho Linh mục Dominic làm linh mục chính xứ. Một điểm đặc biệt của giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam là khi thành lập giáo xứ bao gồm 3 nhóm Công giáo Việt Nam ở thành phố New Orleans: Versailles, Marrero và Woodlawn. Mặc dù sống xa nhau, người Công giáo Việt Nam ở New Orleans vẫn thuộc về một giáo xứ và tổ chức một số hoạt động cùng nhau.

Hình 1. Vị trí 3 nhà thờ của người Công giáo Mỹ gốc Việt ở New Orleans



(*Nguồn*: tư liệu điền dã, vẽ lại trên Google Map)

Năm 1995, dân số người Công giáo Việt Nam ở Bờ Tây tăng lên, Linh mục Joseph Phạm Văn Tuệ đã gửi lời đề nghị lên Tổng Giáo phận để xin nâng cấp họ đạo ở Marrero thành một giáo xứ. Ông nhớ lại: “Cũng rất ngạc nhiên bởi vì lúc đầu giám mục ở giáo phận không ủng hộ ý tưởng cho một giáo xứ dựa vào dân tộc. Tuy nhiên, sau khi chứng kiến sự lớn mạnh và mở rộng tích cực của người Công giáo Việt Nam ở Marrero, ông ấy đã đổi ý và ủng hộ chúng tôi nâng cấp giáo xứ”. Từ thời điểm đó trở đi, người Công giáo Việt Nam ở New Orleans có giáo xứ thứ hai là “Thánh Agnes Lê Thị Thành”. Họ đạo ở Woodlawn được gọi là họ thánh Giuse (St. Joseph the Mission) và đến nay họ đạo này vẫn là một họ nhánh thuộc giáo xứ Holy Spirit ở New Orleans. Có thể nói, sự ủng hộ của Tổng Giáo phận New Orleans có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo điều kiện cho những người Công giáo Việt sinh sống gần nhau và đó là tiền đề cho họ giữ gìn những bản sắc của văn hóa Công giáo Việt Nam.

3. Đặc điểm thực hành/sinh hoạt tôn giáo của giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam

3.1. Thánh lễ và Phụng vụ lời Chúa tại Mỹ

Giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam có khoảng 6.000 giáo dân vào năm 2005. Trong số này có rất ít gia đình người Mỹ da trắng và người Mỹ da đen. Trước cơn bão Katrina năm 2005, chỉ có 2 gia đình người Mễ (người Mexico gốc Tây Ban Nha, còn gọi là *Hispanic*) sống ở khu dân cư này. Sau bão Katrina, dân số người Mễ tăng lên đến khoảng 100 vì có nhiều người Mễ di cư đến làm thợ xây dựng trong thành phố sau cơn bão. Mỗi ngày trong tuần nhà thờ tổ chức hai thánh lễ: một vào buổi sáng (6h-6h30 sáng) và một thánh lễ vào buổi tối (18h00-18h30). Trước một buổi thánh lễ bao giờ cũng là một khoảng thời gian 30 phút thời gian tự cầu nguyện. Những bài kinh cầu nguyện đều xướng bằng tiếng Việt vào các ngày trong tuần. Vào các ngày thánh lễ cuối tuần, có một lễ vào chiều thứ Bảy và 5 lễ vào Chủ nhật (Sáng: 6:30-7:30; 8h-9h; 9:30-10:30; 11h-12h; Chiều: 17:00-18:00). Vào các thánh lễ Chủ nhật, 3 trong số 5 buổi lễ bằng tiếng Việt, 1 buổi bằng tiếng Anh (11h-12h sáng) và 1 buổi bằng tiếng Tây Ban Nha (17:00-18:00 chiều). Linh mục Viễn, linh mục chính xứ vào thời điểm bão Katrina, cho tôi biết rằng sau bão Katrina nhà thờ đã sắp xếp thêm một buổi thánh lễ bằng tiếng Tây Ban Nha cho người Mễ cư trú trong vùng và có đăng ký với giáo xứ. Đây là một bước đột phá nhằm mở rộng cộng đoàn giáo xứ chứ không chỉ hướng tới giáo dân là người Việt.

Như tất cả nhà thờ trong Giáo hội Công giáo, mọi thánh lễ ở nhà thờ của người Việt ở Mỹ cũng được cử hành theo trình tự và quy định chuẩn của Giáo hội nhưng ở giáo xứ Việt có tính chất Việt hóa bằng lời kinh và thánh ca. Bản thân tác giả đã tham dự nhiều thánh lễ ở cả New Orleans, Marrero và Woodlawn cũng như ở một số giáo xứ tại Phước Tỉnh, Phan Thiết và cũng chứng kiến sự tương đồng đó. Các thánh lễ đều được thực hiện theo một quy trình thống nhất và đặc biệt những lời đáp lễ của cộng đoàn đều bằng tiếng Việt. Điều này không chỉ giúp cho thành viên cộng đoàn ở hải ngoại có cơ hội đắm mình vào không gian Việt Nam, mà còn như một sự trao truyền tiếng Việt cho giới trẻ.

Thêm nữa, trước thánh lễ đầu tiên vào sáng Chủ nhật hằng tuần ở giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam, thường được gọi là “thánh lễ của người già”, thì có thêm hoạt động xướng kinh bằng tiếng Việt trong 30 phút trước. Những bài kinh được xướng vào buổi này đều bằng

tiếng Việt và đều do một nhóm những người phụ nữ lớn tuổi linh xướng. Những người khác có mặt trong thời điểm đó đều tự đọc theo và làm thành một hoạt động tập thể của cộng đoàn hướng về Chúa. Điểm đặc biệt là hoạt động này không hề được xuất hiện trong bất cứ buổi lễ thường ngày nào khác, do đó, đối với những người không đi lễ vào buổi sáng sớm Chủ nhật thì họ cũng không hề biết việc xướng kinh này. Qua phỏng vấn, những người cung cấp tin cho biết đó là những bài kinh họ học từ khi còn ở Việt Nam, vì thế nó in đậm trong tâm trí họ và hàng tuần được đọc những bài kinh này vào trước lễ Chủ nhật khiến họ cảm thấy hình như sốt sáng hướng về Thiên Chúa hơn. Đặc biệt, hai nhóm lớn nhất trong cộng đoàn là người từ Phước Tĩnh và người từ Phan Thiết phân chia nhau trong việc xướng kinh ở buổi này. Đây là một điểm nhấn về tâm linh đối với thế hệ thứ nhất ở New Orleans.

3.2. Hội đoàn là một sự đa dạng, kết hợp và duy trì bản sắc

Ngoài những bí tích, thánh lễ và các hoạt động mục vụ của nhà thờ Công giáo Mỹ, các giáo xứ Việt Nam ở đây còn duy trì được nhiều hội nhóm tôn giáo như hội còn ở Việt Nam. Nhà thờ Maria Nữ vương Việt Nam có 14 hội đoàn cho giáo dân của giáo xứ. Thực tế thì những người Mỹ Công giáo gốc Việt ở New Orleans còn duy trì thêm một số hội nhóm nhiều hơn cả ở các giáo xứ gốc ở Phước Tĩnh và Phan Thiết đã từng có. Những hội nhóm cho người Công giáo ở New Orleans theo các độ tuổi và đa dạng sở thích, như: *Liên minh Thánh tâm, Hội các bà mẹ Công giáo, Hội con Đức mẹ, Thiếu nhi Thánh thể, Hội Thánh linh, Hội Cursillo* (Cursillo Movement - Cursillo là một phong trào tông đồ của Giáo hội Công giáo Roma được thành lập ở Tây Ban Nha năm 1944 bởi một nhóm các cư sĩ và lan truyền ra toàn thế giới. Phong trào Cursillo mở các khóa học ngắn hạn về làm thế nào để trở thành những nhà lãnh đạo Cơ đốc hữu hiệu - NVH), *Hội Kha Luân Bố* (Knights of Columbus), *Hội Thăng tiến hôn nhân, Linh Thao, Mục vụ Giới trẻ, Ca đoàn Gloria, Ca đoàn Trùng Dương, Ca đoàn Hướng Dương, trường Thánh Toma Thiện*. Hầu hết những người Công giáo gốc Việt thuộc giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam tham gia ít nhất một hội đoàn để trở nên tin Chúa hơn. Mỗi hội đoàn do một vị thánh đỡ đầu và cần được tổ chức lễ tôn vinh và tạ ơn vị thánh bảo mạng của hội đoàn một lần trong năm. Có thể nói, một linh mục người Mỹ

mà không có kinh nghiệm làm việc với các hội đoàn như vậy chắc chắn sẽ thấy khó khăn khi dẫn dắt một giáo xứ Công giáo của người Mỹ gốc Việt.

Ở giáo xứ Maria Nữ vương Việt Nam, giáo dân từ Phước Tỉnh và Phan Thiết chiếm đa số trong cộng đoàn và do đó, họ cố gắng gìn giữ cấu trúc của các giáo xứ của họ như trước năm 1975. Những cựu chủ tịch (ông chánh) của các giáo xứ từ trước năm 1975 vẫn được tôn trọng ở vùng đất mới định cư này. Bằng việc bảo lãnh người thân đến New Orleans, người dân Phước Tỉnh và Phan Thiết tăng lên về số lượng người trong các mạng lưới xã hội của mình và biến Versailles trở thành ngôi làng - ngôi nhà thứ hai của họ. Lối sống như một cộng đoàn Công giáo Việt Nam của họ vẫn giữ nguyên bởi 14 hội đoàn tôn giáo trong giáo xứ.

Thêm vào đó, nhà thờ Công giáo của người Việt cũng là một địa điểm trung tâm cho các sự kiện cộng đồng, như: Năm mới (dương lịch), Tết Nguyên đán, rằm Trung thu và các ngày lễ quan trọng khác. Những sự kiện này thu hút không chỉ người lớn tuổi, trung niên tham gia phục vụ và “say” trong không khí lễ tết của người Việt mà còn có ý nghĩa trao truyền không gian văn hóa Việt, tiếng Việt cho các thế hệ tiếp theo trên đất Mỹ. Với việc phân công các đầu việc theo các hội đoàn, các sự kiện lễ tết được tổ chức một cách công phu, bài bản với những hoạt động như ca nhạc hải ngoại, các món đồ ăn Việt như phở, sốt vang, bánh mì kẹp và những hình thức vui chơi có thưởng. Có thể nói, nhà thờ Maria Nữ vương Việt Nam có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc gắn kết những người Công giáo Việt với nhau qua các buổi thánh lễ hàng ngày và củng cố tinh thần người Việt mỗi khi tổ chức các hoạt động cộng đồng.

Kết luận

Bài viết đã cung cấp cái nhìn tổng quan về lịch sử hình thành và phát triển của một cộng đồng Công giáo của người Việt tại thành phố New Orleans. Những người Việt Nam đầu tiên đến thành phố vào cuối năm 1975 và dân số người Mỹ gốc Việt liên tục tăng lên theo các làn sóng nhập cư từ các bang khác ở Mỹ. Là một nhóm thiểu số trong một thành phố chủ yếu là người Mỹ da đen, nhiều người Mỹ gốc Việt lựa

chọn sống tập trung ở ba địa điểm ở hai bờ của con sông Mississippi. Với sự hỗ trợ của Tổng Giáo phận New Orleans, người Công giáo Mỹ gốc Việt đã thành công trong việc củng cố cộng đoàn và mở rộng khu vực cư trú của mình. Hơn thế nữa, tuy sống trong xã hội Mỹ và tuyệt đối tuân thủ các quy định trong nghi lễ của Giáo hội Công giáo, các giáo xứ Việt Nam vẫn duy trì được những nghi thức Việt và tổ chức hiệu quả các hội đoàn điển hình mang văn hóa Việt Nam. Có thể nói về một sự tích hợp và gìn giữ văn hóa của người Việt khi nhìn vào giáo xứ Công giáo Việt Nam ở Mỹ, cụ thể trong trường hợp này là tại thành phố New Orleans./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Do, Hien Duc (1999), *The Vietnamese Americans*, Greenwood Press, Westport and London.
2. Dutton, George (2006), *Crossing Oceans, Crossing Boundaries: The Remarkable Life of Philipê Bình (1759-1832)*. in trong Nhung Tuyet Tran & Anthony Reid (Eds.), *Viet Nam: Borderless Histories*, The University of Wisconsin Press, Madison.
3. Fussell, Elizabeth. (2007). Constructing New Orleans, Constructing Race: A Population History of New Orleans. *Journal of American History*, 94(3), pp. 846-855.
4. Giáo xứ Phước Tinh (2004), *50 năm hình thành và phát triển giáo xứ Phước Tinh*.
5. Giáo xứ Thanh Hải (2005), *Kỷ niệm 50 năm hình thành & phát triển*.
6. Hannan, Philip, Nancy Collins & Peter Finney (2010), *From Combat, to Camelot, to Katrina: The Archbishop Wore Combat Boots*, Our Sunday Visitor, Inc, Huntington.
7. Hansen, Peter (2009), Bắc Di Cư: Catholic Refugees from the North of Vietnam, and Their Role in the Southern Republic, 1954-1959. *Journal of Vietnamese Studies*, 4(3), pp. 173-211.
8. Nguyễn Vũ Hoàng (2011a), *Tư liệu phỏng vấn tại New Orleans*, tháng 10.
9. Nguyễn Vũ Hoàng (2011b) “Nhân học xuyên quốc gia: Những tiếp cận lý thuyết Nhân học về người Việt tại Hoa Kỳ”, *Dân tộc học*, 5(155), tr. 11-26.
10. Nguyễn Vũ Hoàng (2012a), *Tư liệu phỏng vấn tại Phước Tinh*, tháng 2.
11. Nguyễn Vũ Hoàng (2012b), *Tư liệu phỏng vấn tại Thanh Hải*, tháng 4.
12. Nguyễn Vũ Hoàng (2017), “Quá trình tạo dựng hình ảnh mới sau thiên tai: So sánh trường hợp người Mỹ gốc Phi và người Mỹ gốc Việt ở New Orleans”, *Dân tộc học*, số 5(203), tr. 12-23.
13. Nguyễn Vũ Hoàng (2019) “Định kiến tộc người ở Mỹ: Nghiên cứu trường hợp người Mỹ gốc Việt tại thành phố New Orleans”, *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11, tr. 92-102.

14. Nguyễn Đức Lộc (2013) *Cấu hình xã hội: Cộng đồng Công giáo Bắc di cư tại Nam Bộ - Từ kích thước cộng đồng đến kích thước cá nhân*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
15. Zhou, Min, & Bankston, Carl L. III (1998), *Growing up American: How Vietnamese Children Adapt to Life in the United States*, Russell Sage Foundation, New York.
16. Waters, Mary C., & Eschbach, Karl (1995), Immigration and Ethnic and Racial Inequality in the United States, *Annual Review of Sociology*, 21, pp. 419-446.

Abstract

VIETNAMESE CATHOLIC PARISH IN NEW ORLEANS AND VIETNAMESE IDENTITIES IN THE UNITED STATES OF AMERICA

Nguyen Vu Hoang

*University of Social Sciences and Humanities,
VNU-Hanoi*

After April 30, 1975, Vietnam reunified the country, many Vietnamese Catholics were sponsored to settle in New Orleans, Louisiana, United States of America (USA). With the guidance of Archbishop Philip Hannan, a number of Vietnamese Catholic parishes gradually formed in the Archdiocese of New Orleans, Louisiana such as the Mary Queen of Vietnam Church established in 1983, then St. Agnes Le Thi Thanh Church founded in 1995 in Marrero and sub-parish of Saint Joseph in Woodlawn, Algiers. The article outlines the stages of formation and development of a community and the story of preserving the identities of Vietnamese Catholics in the USA.

Keywords: Catholicism; Vietnamese people; New Orleans; America.